

Số: 330 /BC-CTK

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

#### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Tính đến trung tuần tháng 5/2022 vụ Đông xuân thu hoạch gần như dứt điểm. Dịch bệnh được kiểm soát nên chăn nuôi heo và gia cầm tái đàn tăng. Sản xuất lâm nghiệp hiện chưa có kế hoạch trồng rừng, tiếp tục công tác chăm sóc và bảo vệ rừng. Khai thác hải sản trong tháng gặp cá nổi, ước tính sản lượng tăng hơn cùng kỳ.

##### **a/ Nông nghiệp**

Tính đến ngày 15/5/2022, cả tỉnh gieo đạt 17.875,6 ha lúa Đông xuân, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Lúa Đông xuân thu hoạch gần như đã dứt điểm, còn số ít gieo trồng muộn đang thu hoạch rải rác. Thời tiết ngày nắng, không mưa, gió nhẹ thuận lợi cho sơ chế nông sản sau khi thu hoạch. Dự ước năng suất lúa Đông xuân năm nay đạt 67,5 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha; ước sản lượng lúa 120,7 nghìn tấn, tăng 1,9% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân giảm do Đông xuân năm trước thuận lợi hơn về thời tiết và đất trồng... Một số diện tích thu hoạch Đông xuân sớm đang cày ải để xuống giống vụ Hè thu.

Cùng với thu hoạch lúa Đông xuân, đến trung tuần tháng Năm, ước tính các huyện thu hoạch đạt 16,3 nghìn tấn ngô, tăng 11,3% so cùng kỳ; 60 nghìn tấn rau các loại, giảm 10,9%; 0,5 nghìn tấn đậu các loại, giảm 7,9%. Cả tỉnh đã xuống giống được 2.764,3 ha ngô, tăng 1,1% so cùng kỳ; 89,8 ha khoai lang, tăng 45,8%; 292 ha lạc (đậu phộng), tăng 8,8%; 3.759,7 ha ra, đậu các loại, giảm 7,1%;...

Nhìn chung, năng suất trên các loại cây tụy giảm so cùng kỳ nhưng vẫn đạt cao so mặt bằng cùng vụ các năm trước. Tình hình khô hạn, thiếu nước tưới được hạn chế với việc đưa vào sử dụng hồ chứa nước Sông Cái cùng hệ thống thủy lợi Tân Mỹ mới xây dựng, ổn định nguồn nước tưới vùng hạ lưu.

Trong tháng, tình hình chăn nuôi nhìn chung ổn định. Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trong tháng được kiểm soát tốt; thị trường và giá tiêu thụ ổn

với gia súc đang khôi phục và ổn định trở lại, nhất là thịt heo đang được tiêu thụ nhiều trong và ngoài tỉnh, dự ước thịt heo sẽ xuất mạnh trong các tháng tới. Đàn trâu giảm nhẹ 0,4% so với cùng thời điểm năm trước; sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 10,6 tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ. Đàn bò giảm 1,3%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 474,1 tấn, tăng 0,9%. Đàn dê, cừu ngang bằng; sản lượng xuất chuồng ước đạt 340 tấn (dê 161 tấn, cừu 179 tấn), tăng 2,3%. Đàn heo tăng 10,3%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 2.036,7 tấn, tăng 34,5%. Đàn gia cầm tăng 5,2%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 553,2 tấn, tăng 3,3%.

### ***b/ Lâm nghiệp***

Tình hình lâm nghiệp của tỉnh tháng Năm chủ yếu tập trung vào công tác chăm sóc và bảo vệ rừng, không phát sinh diện tích rừng trồng mới và số cây lâm nghiệp trồng phân tán. Khai thác gỗ trong tháng chủ yếu thuộc hộ cá thể ước đạt 115,6 m<sup>3</sup>, giảm 2,3% so cùng kỳ; củi khai thác và thu nhập ước đạt 1.042,5 ster, tăng 4,3%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, cả tỉnh không phát sinh diện tích rừng trồng mới tập trung; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,6 nghìn cây, tăng 55,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 745,2 m<sup>3</sup>, giảm 39,7%; sản lượng củi khai thác đạt 8.485 ste, giảm 0,2%.

Công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ rừng tiếp tục được tăng cường. Trong tháng Năm cả tỉnh có 2,4 ha rừng bị thiệt hại, gấp 5,8 lần so với cùng kỳ năm trước, toàn bộ là diện tích bị chặt phá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng bị thiệt hại là 5,8 ha, giảm 31,1% so với cùng kỳ năm trước, toàn bộ là diện tích bị chặt phá.

### ***c/ Thủy sản***

Trong tháng Năm, sản lượng thủy sản cả tỉnh ước đạt 10.417,7 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 8.909,7 tấn, tăng 6,6%; tôm đạt 770,4 tấn, giảm 6,9%; thủy sản khác đạt 737,6 tấn, tăng 15,2%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 1.183,5 tấn, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 100,5 tấn, giảm 12,6%; tôm đạt 723 tấn, giảm 7,7%; thủy sản khác đạt 360 tấn, tăng 26%. Trong đó, sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 720 tấn, giảm 7,7%; tôm sú chưa thu hoạch.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước đạt 9.234,2 tấn, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 8.809,2 tấn, tăng 6,9%; tôm đạt 47,4 tấn, tăng 6,9%; thủy sản khác đạt 377,6 tấn, tăng 6,6%. Trong tháng thời tiết thuận lợi và cá nổi (cá cơm, cá nục) xuất hiện khá nhiều nên đa số tàu cá hành

nghe pha xúc, lưới vây, màng,... ra khơi khai thác nhiều hơn tháng cùng kỳ năm trước. Ngư trường khai thác chủ yếu từ Ninh Thuận đến đảo Phú Quốc-Kiên Giang.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 43.607,7 tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 3.405,5 tấn, tăng 0,5%; sản lượng khai thác đạt 40.202,2 tấn, tăng 6% (chủ yếu là sản lượng thủy sản khai thác biển).

Sản lượng giống thủy sản sản xuất tháng Năm ước đạt 3.260 triệu con, giảm 4,1% so cùng kỳ năm trước; trong đó tôm giống ước đạt 3.250 triệu con, giảm 4,4%. Hoạt động sản xuất và kinh doanh tôm giống trong tháng giảm nhẹ, không bằng cùng kỳ, nuôi tôm thương phẩm vụ chính tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long vào vụ nên nhu cầu tôm giống trong tháng cao, giá bán ổn định.. Tính chung 5 tháng đầu năm, lượng giống sản xuất 18.430 triệu con, tăng 3,9%; trong đó tôm giống ước đạt 18.300 triệu con, tăng 3,4%.

## **2. Sản xuất công nghiệp**

*Sản xuất công nghiệp tháng 5/2022 tiếp tục đà phục hồi tăng trưởng sau giai đoạn ảnh hưởng dịch COVID-19, ước tính tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 11,5%.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Năm ước tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 4,86%; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,58%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,05%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,60%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, IIP ước tính tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,41%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,30%; riêng ngành khai khoáng giảm 14,91%. Một điểm lưu ý là trong năm nay, IIP toàn ngành thường tăng <10% (các năm trước thường tăng >10%) là do ngành công nghiệp chủ lực sản xuất và phân phối điện tăng thấp, năng lực sản xuất điện mới giảm mạnh.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 5 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 20,16%; sản xuất đồ uống tăng 16,15%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất 5 tháng giảm hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: khai khoáng khác

giảm 14,91%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,41%; sản xuất trang phục tăng 6,76%; dệt tăng 7,53%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 7,75%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 5 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm trước: Tôm đông lạnh tăng 87%; nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 56%; thạch nha đam tăng 48,9%; điện gió tăng 47,5%; bia đóng lon tăng 14,3%; thủy điện tăng 12,8%. Một số sản phẩm giảm: các loại đá lát lề đường giảm 52,9%; muối biển giảm 32,2%; hạt điều khô giảm 31,8%; tinh bột sắn giảm 31,8%, dự kiến trong tháng ngừng sản xuất vì hết nguyên liệu; sản xuất đường giảm 17,2%, hiện đã ngừng sản xuất do hết mía nguyên liệu; xi măng giảm 15,8%; điện mặt trời giảm 3,3%.

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

*Tình hình đăng ký doanh nghiệp tiếp tục đà phục hồi sau giai đoạn suy giảm vì dịch COVID-19. Trong 5 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 65,4% và số doanh nghiệp thông báo giải thể giảm 32,5%. Riêng số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước.*

Trong tháng Năm có 27 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 577 tỷ đồng, tăng 28,6% số doanh nghiệp và số vốn đăng ký tăng gần 3,6 lần so cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 21,4 tỷ đồng, tăng 2,56 lần so với cùng kỳ năm 2021.

Lũy kế 5 tháng năm 2022, có 236 doanh nghiệp thành lập mới/11.094,2 tỷ đồng, tăng 38% số doanh nghiệp và số vốn đăng ký tăng 6,1 lần so cùng kỳ. Có 51 doanh nghiệp đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ, giảm 16,4% số doanh nghiệp và vốn đăng ký bổ sung thêm 2.553,9 tỷ đồng, giảm 24,9% so cùng kỳ; có 384 doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, giảm 27,8% so cùng kỳ.

Có 86 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 65,4% so cùng kỳ; có 27 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tự nguyện, giảm 32,5% và có 120 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 18,4%.

Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 18/5/2022, có 3.991 doanh nghiệp/90.537 tỷ đồng.

### **4. Đầu tư**

*Trong tháng Năm, tỉnh tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công. Theo đó, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2022 ước tính tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 27,2% so*

với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 29,3% kế hoạch năm<sup>1</sup> và tăng 72,2% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao nhất các năm 2015-2022<sup>2</sup>.

Vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Năm ước tính đạt 155,9 tỷ đồng, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: 97,1 tỷ đồng, tăng 5,3%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện: 58,7 tỷ đồng, tăng 100,1%. Vốn đầu tư tháng 5/2022 thuộc nguồn ngân sách tỉnh chủ yếu thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2021: dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải GD 2 - Tiểu dự án Tp Phan Rang - Tháp Chàm; dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, tỉnh Ninh Thuận; dự án Đường đôi vào TP Phan Rang - Tháp Chàm (đoạn phía Nam); dự án Đường nối từ trung tâm Thị trấn Tân Sơn đi ngã tư Tà Năng - Đức Trọng; dự án Mở rộng đường Văn Lâm - Sơn Hải; ...

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 728,7 tỷ đồng, tăng 72,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: 435,5 tỷ đồng, tăng 40%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện: 293,2 tỷ đồng, tăng 166%. Nguyên nhân tăng là do tỉnh triển khai nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong thời điểm tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát tốt.

## **5. Tài chính, Ngân hàng**

### ***a/ Tài chính***

*Trong 5 tháng đầu năm, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ các dự án năng lượng tái tạo giảm là nguyên nhân chính làm giảm sâu chỉ tiêu thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu, kéo Tổng thu ngân sách Nhà nước giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước tập trung bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế và quản lý Nhà nước.*

Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 1.644 tỷ đồng, đạt 47,1% dự toán năm và giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu nội địa (không kể thu dầu thô) đạt 1.628,3 tỷ đồng, đạt 54% và tăng 11,6%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 15,7 tỷ đồng, đạt 3,15% và giảm 96,75%. Nguyên nhân thu ngân sách giảm so với cùng kỳ năm trước là do giảm mạnh nguồn thu nhập khẩu thiết bị của các dự án năng lượng.

<sup>1</sup> Tỷ lệ vốn thực hiện từ nguồn NSNN 5 tháng so với kế hoạch năm giai đoạn 2017-2022 lần lượt là: 50%; 44,5%; 56,8%; 15%; 22,5% và 29,3%.

<sup>2</sup> Tỷ lệ vốn thực hiện từ nguồn NSNN 5 tháng so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2015-2022 lần lượt là: tăng 31,8%; giảm 9,2%; tăng 3%; tăng 13%; tăng 1,9%; giảm 18,9%; tăng 7,4%; và tăng 72,2%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước (*không tính chi từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ*) ước tính đạt 2.715,5 tỷ đồng, đạt 42% dự toán năm.

### ***b/ Ngân hàng***

*Hoạt động tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn trong tháng Năm tiếp tục ổn định và an toàn. Huy động vốn và dư nợ tín dụng tiếp tục có sự tăng trưởng so với tháng trước và cuối năm 2021. Vốn tín dụng được tập trung đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, các chương trình tín dụng trọng điểm. Tỷ lệ nợ xấu vẫn trong tầm kiểm soát.*

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, ước đến cuối tháng 5/2022: Nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 20.100 tỷ đồng, tăng 0,01% (tăng 162,2 tỷ đồng) so với tháng trước; tăng 0,08% (tăng 1.463 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; bằng 96,3% kế hoạch năm 2022. Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 34.000 tỷ đồng, tăng 0,01% (tăng 365,9 tỷ đồng) so với tháng trước; tăng 0,02% (tăng 664 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; bằng 88,7% kế hoạch năm 2022. Dư nợ xấu trên địa bàn là 230 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,68% so với tổng dư nợ, tăng 0,02% so với tỷ lệ nợ xấu cuối tháng trước (số tuyệt đối tăng 4,8 tỷ đồng) và tăng 0,1% so với tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2021 (số tuyệt đối tăng 20,7 tỷ đồng).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động ngân hàng Ninh Thuận vẫn còn một số khó khăn, hạn chế: Về chất lượng tín dụng, mặc dù nợ xấu tuy trọng tầm kiểm soát (<3%) nhưng nợ nhóm 4 và nhóm 5 chiếm tỷ trọng lớn (trên 83%), cho vay theo Nghị định 67 tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nợ xấu.

## **6. Thương mại, giá cả, dịch vụ**

### ***a/ Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

*Tình hình dịch COVID-19 được kiểm soát ổn định và các ngày nghỉ lễ trong tháng tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục đà phục hồi tăng trưởng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm tăng 4% so với tháng trước và tăng 25,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm ước tính đạt 2.759,5 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và tăng 25,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 2.246,4 tỷ đồng, tăng 3,6% và tăng 24,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 323,9 tỷ đồng, tăng 6,5% và tăng 28% do dịch bệnh COVID-19 trong tỉnh được kiểm soát tốt, nhu cầu du lịch của người dân vào dịp lễ 30/4 và 01/5 tăng hơn cùng kỳ năm trước;

doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,3 tỷ đồng, tăng 24,3% và giảm 10,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 188,9 tỷ đồng, tăng 4,4% và tăng 36,1%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 12.794,6 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động 5 tháng đầu năm nay: *Doanh thu bán lẻ hàng hóa* ước tính đạt 10.416,6 tỷ đồng, chiếm 81,4% tổng mức và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 10,7%; may mặc giảm 5,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 18,2%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 11,8%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 3,3%. *Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* ước tính đạt 1.462,4 tỷ đồng, chiếm 11,4% tổng mức và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. *Doanh thu du lịch lữ hành* ước tính đạt 0,9 tỷ đồng, chiếm 0,01% và giảm 35,2%. *Doanh thu dịch vụ khác* ước tính đạt 914,7 tỷ đồng, chiếm 7,1% và tăng 13,1%.

#### ***b/ Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ***

*Giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng ảnh hưởng đến chi phí sản xuất làm cho giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng; giá xăng dầu tăng theo giá thế giới; là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2022 tăng 0,62% so với tháng trước, tăng 1,73% so với tháng 12/2021 và tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 2,59% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2017<sup>3</sup>.*

Trong mức tăng 0,62% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2022 so với tháng trước có 9/11 nhóm có chỉ số giá tăng, là: nhóm giao thông có mức tăng cao nhất với 3,01% (làm CPI chung tăng 0,28 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá xăng dầu vào ngày 04/5/2022, 11/5/2022 và 23/5/2022 đã làm cho giá xăng tăng 5,92%; dầu diezen tăng 4,0%; giá xe máy tăng 1,72%; phụ tùng xe tăng 1,16%; giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 3,26%. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,87% chủ yếu là giá bia tăng cao do giá nguyên liệu nhập khẩu sản xuất bia tăng cao, cộng với thời tiết chuyển nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng tăng, cụ thể: giá bia chai tăng 9,89%, bia lon tăng 10,95%; nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,33% so với tháng trước. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,05% do giá xăng dầu và chi phí sản xuất tăng, trong đó giá vải các loại tăng 2,93% so với tháng trước; quần áo may sẵn tăng 1,11%; mũ nón tăng 0,73%; giày dép tăng 0,68%. Nhóm nhà ở và vật liệu

<sup>3</sup> Tốc độ tăng CPI bình quân 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2017-2022 lần lượt là: tăng 4,77%; tăng 3,45%; tăng 2,84%; tăng 5,14%; tăng 3,16%; tăng 2,59%.

xây dựng tăng 0,83% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,82% do giá thép tăng; giá dầu hỏa tăng 4,79% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 04/5/2022 và 11/5/2022; giá điện và nước sinh hoạt tháng 5/2022 tăng theo nhu cầu sử dụng. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,27% tập trung chủ yếu ở các mặt hàng: bàn là điện tăng 1,87% so với tháng trước, ổ cắm điện tăng 2,79%; ấm, phích điện tăng 4,41%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,59% do chi phí vận chuyển và sản xuất tăng. Nhóm giáo dục tăng 0,12%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,09%. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,07%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,02% do giá nguyên liệu đầu vào, giá cước vận chuyển tăng tác động đến giá các mặt hàng lương thực chế biến khác như giá mì sợi, mì, phở, cháo ăn liền tăng 1,03% so với tháng trước; bánh mì tăng 4,78%; bột mì tăng 1,22%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,23%. Nhóm duy nhất có chỉ số giá giảm là thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,04%. Riêng nhóm bưu chính, viễn thông không thay đổi.

CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2022 tăng 2,59% so với bình quân cùng kỳ năm 2021; CPI tháng 5/2022 tăng 1,73% so với tháng 12/2021 và tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước.

Giá vàng biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tháng 5/2022 giảm 0,99% so với tháng trước và tăng 5,02% so cùng kỳ năm trước; giá vàng 9999 hiện ở mức 5.430.000 đồng/chỉ. Giá đô la Mỹ tăng 1,54% so với tháng trước và tăng 0,81% so cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ hiện ở mức 23.950 đồng/USD.

### ***c/ Vận tải hành khách và hàng hóa***

*Tình hình dịch COVID-19 được kiểm soát tốt đã thúc đẩy hoạt động vận tải trong tháng Năm tăng mạnh so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước, nhất là vận tải hành khách cho nhu cầu tham quan, du lịch vào dịp lễ.*

Tình hình dịch bệnh trên cả nước được kiểm soát tốt nên nhu cầu du lịch, tham quan của người dân tăng vào dịp lễ 01/5. Vận tải hành khách tháng Năm ước đạt 0,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 24,1% so với tháng trước và luân chuyển 34 triệu lượt hành khách.km, tăng 22,1%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, vận tải hành khách đạt 2,3 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 170,1 triệu lượt hành khách.km, tăng 26,9%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

Vận tải hàng hóa tháng Năm ước đạt 0,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,1% so với tháng trước và luân chuyển 50,9 triệu tấn.km, tăng 8,5%. Lũy kế 5 tháng, vận tải hàng hóa đạt 3,2 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 15,3%



so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 236,1 triệu tấn.km, tăng 14%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

## **7. Một số vấn đề xã hội**

### ***a/ Lao động, việc làm***

Trong tháng, tư vấn giới thiệu việc làm cho 2.482 lượt người, nâng tổng số người được tư vấn, giới thiệu việc làm và tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề cho người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong 5 tháng đầu năm là 8.093/15.000 lượt người đạt tỷ lệ 53,95%; trong tháng kết nối việc làm được 48 người, nâng tỷ lệ lao động tìm được việc làm qua Trung tâm Dịch vụ việc làm đến tháng 5/2022 đạt 22,7% (227/1.000 người). Số người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 391 hồ sơ, số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng 376 hồ sơ với kinh phí chi trả 7,2 tỷ đồng, nâng tổng số hồ sơ có Quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp 5 tháng đầu năm lên 1.774 người với số tiền chi 30,4 tỷ đồng.

### ***b/ Đời sống dân cư, công tác an sinh xã hội***

*Trong tháng Năm, giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng Người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội thực hiện được đầy đủ, đúng đối tượng. Công tác người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được quan tâm. Đời sống dân cư nhìn chung ổn định.*

Trong tháng, tiếp nhận và thực hiện giải quyết 96 hồ sơ, trong đó: giải quyết chế độ, chính sách 75 hồ sơ; xác lập và thực hiện thủ tục 21 hồ sơ. Khảo sát nhà ở cho 08 hộ gia đình người có công huyện Bắc Ái; thăm, tặng quà Bà mẹ Việt Nam Anh hùng nhân Lễ Phật Đản năm 2022.

Tổ chức 5 lớp tập huấn truyền thông cung cấp kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em năm 2022 tại 5 huyện (Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Hải, Ninh Sơn và Thuận Bắc) cho 200 em học sinh/huyện. Khảo sát xây dựng 10 căn nhà tình thương cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ nguồn tài trợ ngân hàng Vietcombank.

### ***c/ Giáo dục***

*Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch tổng thể về thích ứng với tình hình dịch COVID-19, bảo đảm tổ chức dạy học an toàn, chất lượng và hoàn thành chương trình kế hoạch năm học 2021-2022 các cấp học theo Khung kế hoạch thời gian năm học; hướng dẫn công tác thi, tuyển sinh đầu cấp và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các kỳ thi năm 2022; triển khai công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2022.*

Trong kỳ báo cáo, ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức thực hiện nhiều hoạt động như: tổ chức làm việc với UBND các huyện, thành phố (Ninh Sơn, Thuận Nam và TP Phan Rang-Tháp Chàm) đối với công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục trên địa bàn; phê duyệt Kế hoạch và Phương thức tuyển sinh lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2022-2023; Chuẩn bị các điều kiện tổ chức các kỳ thi năm 2022;...

Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2022 diễn ra trong 2 ngày 7-8/7/2022. Đến thời điểm này, công tác chuẩn bị các điều kiện đảm bảo kỳ thi diễn ra an toàn, hiệu quả, đúng quy chế đang được ngành Giáo dục và Đào tạo (GD &ĐT) tích cực triển khai thực hiện: tổ chức Hội nghị tập huấn, phổ biến, triển khai công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2022; tập huấn kỹ thuật máy tính cho cán bộ các trường. Bên cạnh đó, các trường cũng khẩn trương triển khai công tác đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển ĐH, CĐ; xây dựng kế hoạch triển khai công tác dạy học, ôn tập, phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức; tổ chức các đợt thi thử; phổ biến, hướng dẫn, tư vấn hướng nghiệp giúp học sinh tự tin tham gia và đạt kết quả tốt nhất trong kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển ĐH, CĐ năm 2022 sắp tới.

#### ***d/ Chăm sóc sức khỏe cộng đồng***

Trong tháng 5/2022, trên địa bàn tỉnh không phát sinh người mắc mới COVID-19 được cấp mã số, không có trường hợp tử vong do COVID-19. Tính từ đầu năm 2022 đến 18/5/2022, toàn tỉnh có 2.934 người mắc COVID-19, 06 trường hợp tử vong.

Công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 tiếp tục triển khai tại các điểm tiêm trên địa bàn tỉnh. Theo báo cáo của Sở Y tế, tính đến ngày 18/5/2022, tổng số vắc xin tỉnh nhận được là 1.316.900 liều; đã tiêm 1.281.974 mũi tiêm, đạt tỷ lệ 97,3%. Trong đó: Nhóm từ 5 – dưới 12 tuổi tiêm mũi 1 là 35.957 trẻ đạt 48,5%; Nhóm tuổi 12-17 tuổi tiêm mũi 1 là 56.803 trẻ (108,0%), tiêm mũi 2 là 50.330 trẻ đạt 95,7%; Nhóm người  $\geq 18$  tuổi đã tiêm mũi 1 là 454.820 người, đạt 121,7%, tiêm mũi 2 có 434.733 người đạt 116,4%, tiêm mũi 3 có 337.021 người đạt 90,2%; Trong đó: người  $\geq 50$  tuổi đã tiêm mũi 1 là 140.438 người đạt 122,6%, tiêm mũi 2 có 135.143 người đạt 118,0%, tiêm mũi 3 có 110.080 người đạt 96,1%; Nhóm người  $\geq 65$  tuổi đã tiêm mũi 1 là 42.330 đạt 121,7%, tiêm 2 mũi 40.204 đạt 115,6%, tiêm 3 mũi 30.568 đạt 87,9%. Công tác tiêm chủng được thực hiện an toàn theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, không có trường hợp tai biến nặng, không có tử vong.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm lưu hành được duy trì thường

xuyên tại các tuyến. Tính đến ngày 18/5/2022: toàn tỉnh có 60 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, giảm 59,7% so với cùng kỳ (60/149); 10 trường hợp mắc Tay chân miệng, giảm 81,5% so với cùng kỳ năm 2021 (02/54); các bệnh dịch truyền nhiễm khác chỉ mắc tản phát.

#### ***d/ Văn hóa, thể thao, du lịch***

Tiếp tục tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh Ninh Thuận, gắn với 47 năm Ngày giải phóng Ninh Thuận và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cùng với các hoạt động Hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2022, như: Cuộc thi xếp sách nghệ thuật với 08 mô hình, thu hút gần 2.000 lượt bạn đọc tham quan, bình chọn các mô hình; thi viết với chủ đề “Đọc sách để thay đổi” có 1.159 thí sinh dự thi đến từ 25 trường học các cấp trên địa bàn tỉnh tham gia; thi vẽ tranh với chủ đề “Ước mơ tuổi thơ về một Ninh Thuận đẹp giàu” thu hút 13.630 thí sinh dự thi đến từ 50 trường Tiểu học và Trung học cơ sở.

Tổ chức các giải thi đấu trong năm 2022: Giải Cờ vua học sinh các cấp, Giải đua Xe đạp phong trào tỉnh Ninh Thuận năm 2022 - Cúp Trung Nam Group và Giải các Câu lạc bộ Vovinam. Ban hành Điều lệ tổ chức các Giải thể thao: Taekwondo, Karate các Câu lạc bộ tỉnh Ninh Thuận năm 2022.

Tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến, quảng bá du lịch Ninh Thuận tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 với trên 200 đại biểu các tỉnh, thành tham dự. Tham gia Ngày hội du lịch thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 18 năm 2022.

#### ***e/ Tai nạn giao thông***

Trong tháng (từ ngày 15/4 đến ngày 14/5/2022), xảy ra 10 vụ tai nạn giao thông, làm 02 người chết, 09 người bị thương. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 06 vụ (giảm 37,5%); số người chết giảm 05 người (giảm 71,4%); số người bị thương giảm 06 người (giảm 40%). So với cùng kỳ năm trước, Số vụ giảm 01 vụ (giảm 9,1%); số người chết giảm 01 người (giảm 33,3%); số người bị thương tăng 01 người (tăng 12,5%).

Tính chung 5 tháng năm 2022, cả tỉnh đã xảy ra 56 vụ tai nạn giao thông, làm 21 người chết, 53 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 15 vụ (giảm 21,1%); số người chết giảm 09 người (giảm 30%); số người bị thương giảm 15 người (giảm 22,1%). Bình quân 2,8 ngày xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông (cùng kỳ năm 2021 là 2,1 ngày/vụ).

#### ***g/ Tình hình cháy, nổ***

Trong tháng Năm, trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ. So với tháng trước, số vụ cháy giảm 01 vụ; không thiệt hại về người; thiệt hại về tài sản giảm 56 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy không tăng/giảm.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, cả tỉnh xảy ra 02 vụ cháy; không thiệt hại về người; tài sản thiệt hại 152 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy giảm 01 vụ; không thiệt hại về người; thiệt hại về tài sản giảm 46,6 triệu đồng.

Vụ nổ không xảy ra.

***h/ Thiệt hại do thiên tai***

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận không xảy ra vụ thiên tai, không tăng/giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiên tai, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm trước; không thiệt hại về người, không tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước; tài sản thiệt hại 65 triệu đồng, tăng 65 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

***Nơi nhận:***

- Vụ TK Tổng hợp và Phổ biến thông tin TK (b/c);
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng, Chi cục thuộc CTK;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hương**



# KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022



## SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Diện tích gieo trồng lúa  
Đông xuân 2022

**17.875,6 ha**  
▲ 2,8%

Sản lượng thu hoạch lúa Đông xuân  
**120,7 nghìn tấn** ▲ 1,9%

Năng suất lúa Đông xuân  
**67,5 tạ/ha** ▼ 0,6 tạ/ha



Số lượng gia súc, gia cầm tháng 5/2022  
so với cùng thời điểm năm trước

▼ 0,4%



Đàn trâu

▼ 1,3%



Đàn bò

▲ 10,3%



Đàn heo

▲ ▼



Đàn dê, cừu

▲ 5,2%



Đàn gia cầm

## Thủy sản và Lâm nghiệp 5 tháng đầu năm



Tổng sản lượng hải sản

**43.607,7 tấn** ▲ 5,5%



Sản lượng khai thác

**40.202,2 tấn** ▲ 6%



Sản lượng nuôi trồng

**3.405,5 tấn** ▲ 0,5%



Sản lượng gỗ

**745,2 m<sup>3</sup>**  
▼ 39,7%



Sản lượng củi

**8.485 ster**  
▼ 0,2%

## CÔNG NGHIỆP

5 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ



Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành **105,83%**



Khai khoáng

**85,09%**



Chế biến, chế tạo

**111,50%**



Sản xuất & phân  
phối điện

**105,41%**



Cung cấp nước & xử  
lý nước thải, rác thải

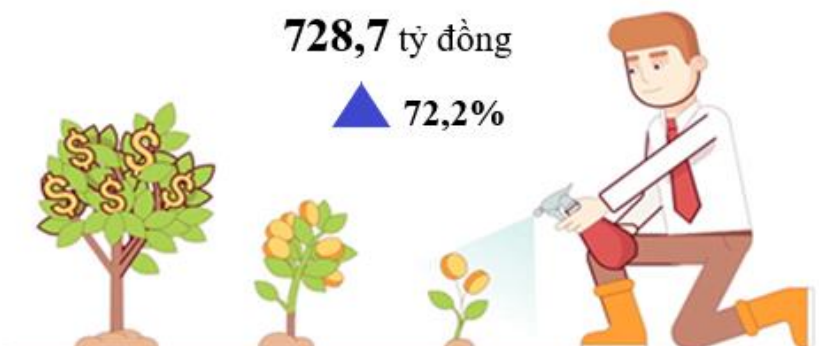
**103,30%**

## VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NSNN

5 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

**728,7** tỷ đồng

▲ **72,2%**



**435,5** tỷ đồng

Ngân sách cấp tỉnh

▲ **40%**



**293,2** tỷ đồng

Ngân sách cấp huyện

▲ **166%**



**0** tỷ đồng

Ngân sách cấp xã

-



## HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Thời điểm cuối tháng 5/2022 so với tháng trước



Tổng nguồn vốn huy động

Tổng dư nợ cho vay



20.100 tỷ đồng ▲ 0,01%

34.000 tỷ đồng ▲ 0,01%

## TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

5 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

12.794,6 tỷ đồng ▲ 17,3%

Thương nghiệp

Khách sạn,  
nhà hàng

Dịch vụ  
lữ hành

Dịch vụ



10.416,6 tỷ đồng

1.462,4 tỷ đồng

0,9 tỷ đồng

914,7 tỷ đồng

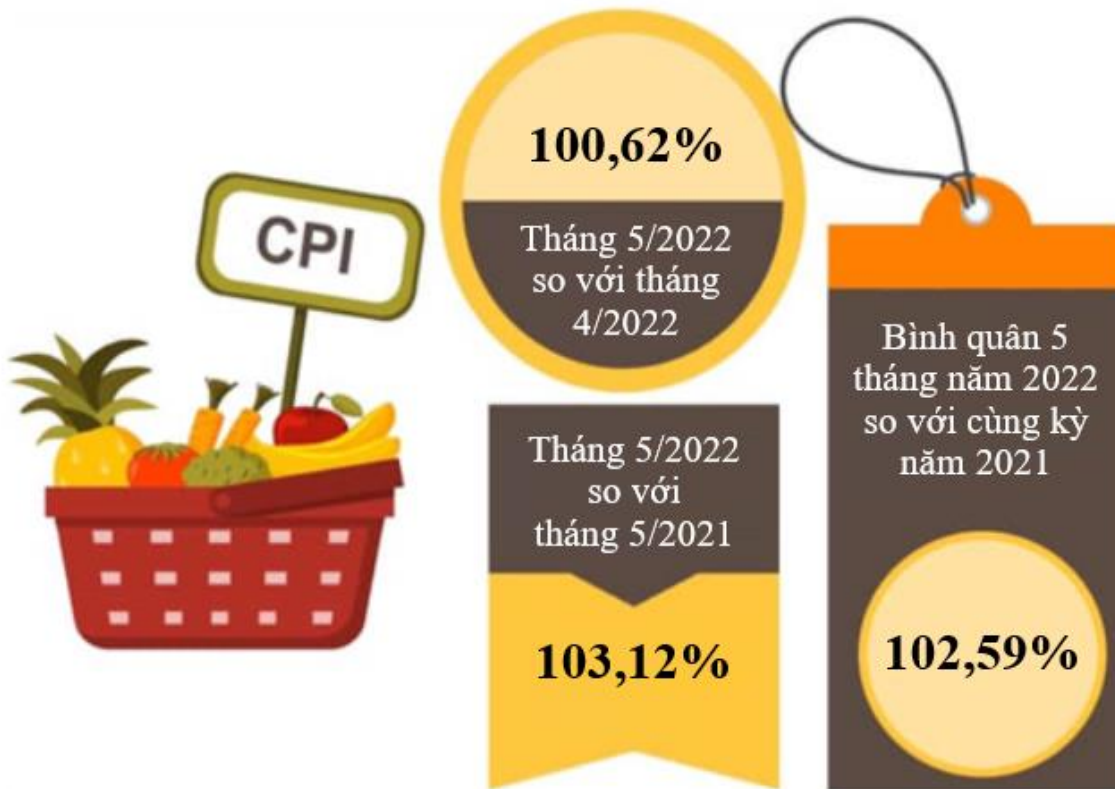
▲ 18,9%

▲ 9,8%

▼ 35,2%

▲ 13,1%

## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG



## TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

5 tháng năm 2022



**02 vụ cháy**  
Tổng tài sản thiệt hại ước tính **152** triệu đồng



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN**

**SỐ LIỆU  
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI  
THÁNG 5 NĂM 2022**

**Tỉnh Ninh Thuận**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 5 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<i>Ha</i>			
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm</b>			
<b>Lúa</b>	<b>17.388,7</b>	<b>17.875,6</b>	<b>102,8</b>
Lúa Đông xuân	17.388,7	17.875,6	102,8
Lúa Hè thu	-	-	
<b>Một số loại cây khác</b>			
Ngô	2.734,3	2.764,3	101,1
Khoai lang	61,6	89,8	145,8
Lạc	268,4	292,0	108,8
Rau các loại	3.345,9	3.101,8	92,7
Đậu các loại	701,6	657,9	93,8

**1B. Sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2022**

	Thực hiện tháng 5 năm 2021 (Tấn)	Ước tính tháng 5 năm 2022 (Tấn)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022 (Tấn)	tháng 5 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>9.823,6</b>	<b>10.417,7</b>	<b>43.607,7</b>	<b>106,0</b>	<b>105,5</b>
Cá	8.356,2	8.909,7	38.061,9	106,6	103,9
Tôm	827,3	770,4	1.785,2	93,1	89,5
Thủy sản khác	640,1	737,6	3.760,6	115,2	139,9
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>1.183,8</b>	<b>1.183,5</b>	<b>3.405,5</b>	<b>100,0</b>	<b>100,5</b>
Cá	115,0	100,5	390,5	87,4	96,4
Tôm	783,0	723,0	1.635,0	92,3	91,4
Thủy sản khác	285,8	360,0	1.380,0	126,0	115,4
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>8.639,8</b>	<b>9.234,2</b>	<b>40.202,2</b>	<b>106,9</b>	<b>106,0</b>
Cá	8.241,2	8.809,2	37.671,4	106,9	104,0
Tôm	44,3	47,4	150,2	106,9	72,9
Thủy sản khác	354,3	377,6	2.380,6	106,6	159,5

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 năm 2022

	Tháng 4 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021	Tháng 5 năm 2022 so với tháng trước	Tháng 5 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	% Cộng dồn từ đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>105,40</b>	<b>102,50</b>	<b>108,10</b>	<b>105,83</b>
<b>Khai khoáng</b>	<b>52,22</b>	<b>137,83</b>	<b>95,14</b>	<b>85,09</b>
Khai khoáng khác	52,22	137,83	95,14	85,09
<b>Công nghiệp chế biến , chế tạo</b>	<b>114,13</b>	<b>114,75</b>	<b>108,58</b>	<b>111,50</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	136,78	94,63	104,17	120,16
Sản xuất đồ uống	76,42	181,06	106,37	116,15
Dệt	118,18	100,03	89,86	107,53
Sản xuất trang phục	127,82	105,93	113,41	106,76
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	110,80	105,35	110,01	105,41
In, sao chép bản ghi các loại	109,00	111,91	108,01	92,48
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	115,31	108,21	126,58	103,60
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	60,31	225,26	125,91	85,46
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	114,53	104,89	110,98	103,25
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	1.425,54	122,35	728,32	147,03
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	124,44	107,35	116,26	107,75
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	126,84	101,74	119,00	104,03
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>107,40</b>	<b>97,36</b>	<b>109,05</b>	<b>105,41</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	107,40	97,36	109,05	105,41
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>99,63</b>	<b>101,51</b>	<b>101,60</b>	<b>103,30</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,27	102,61	100,62	104,74
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	105,71	98,91	104,08	99,51

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5 năm 2022

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	tháng 5	Cộng dồn từ
		tháng 4 năm 2022	tháng 5 năm 2022	từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	tháng 5 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b> (Theo ngành sản phẩm)						
Đá xây dựng khác	Nghìn m <sup>3</sup>	46,1	69,5	338,3	65,6	74,8
Muối biển	Nghìn tấn	15,7	20,6	99,5	81,3	67,8
Tôm đông lạnh	Tấn	1.000,0	800,0	3.947,4	131,6	187,0
Hạt điều khô	Tấn	145,3	264,1	1.188,5	56,3	68,2
Tinh bột sắn, bột dong riêng	Nghìn tấn	0,7	-	5,1	-	68,2
Tinh bột khác	Nghìn tấn	0,01	0,01	0,1	75,5	166,7
Đường RS	Nghìn tấn	-	-	6,1	-	82,8
Thạch nha đậm	Tấn	770,2	617,0	5.080,8	65,5	148,9
Muối chế biến (muối iốt, muối tinh, muối xay, bột canh, bột gia vị...)	Nghìn tấn	4,1	5,2	24,1	87,8	91,3
Bia đóng lon	1000 lít	1.520,0	3.000,0	17.793,0	88,1	114,3
Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1000 lít	41,6	142,8	510,9	685,3	156,0
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	108,2	85,1	467,4	121,4	133,4
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	432,0	450,0	2.193,0	81,8	106,2
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	227,1	241,5	948,5	110,3	105,4
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	-	-	-	-	-
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	20,6	22,9	100,0	138,4	109,0
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	Triệu viên	6,6	6,6	29,2	82,5	94,5
Xi măng Portland đen	Nghìn tấn	6,9	23,6	72,8	140,4	84,2
Các loại đá lót, đá lót lề đường và phiến đá lót đường, băng đá tự nhiên (trừ đá phiến)	Nghìn m <sup>2</sup>	6,4	11,2	25,9	100,0	47,1
Điện sản xuất	Triệu KWh	591,1	578,9	2.958,5	109,3	106,0
- Thủy điện	Triệu KWh	129,5	132,0	623,4	109,2	112,8
- Điện gió	Triệu KWh	83,5	74,1	491,4	355,2	147,5
- Điện mặt trời	Triệu KWh	378,1	372,8	1.843,8	96,1	96,7
Điện thương phẩm	Triệu KWh	64,6	65,9	303,0	103,2	106,9
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	2.082,2	2.136,7	10.322,3	100,6	104,7

#### 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 5 năm 2022

	Thực hiện tháng 4 năm 2022	Ước tính tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm 2022 (%)	Tỷ đồng
					Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>154,1</b>	<b>155,9</b>	<b>728,7</b>	<b>29,3</b>	<b>172,2</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>93,6</b>	<b>97,1</b>	<b>435,5</b>	<b>25,3</b>	<b>140,0</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	12,1	35,3	102,0	33,9	116,4
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>2,0</i>	<i>1,0</i>	<i>3,0</i>	<i>3,4</i>	<i>59,5</i>
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	44,8	28,1	232,3	49,4	161,6
Vốn nước ngoài (ODA)	24,4	25,7	80,9	11,4	165,3
Xổ số kiến thiết	8,2	4,0	12,2	58,1	83,9
Vốn khác	4,0	4,0	8,1	3,7	50,0
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>60,5</b>	<b>58,7</b>	<b>293,2</b>	<b>38,5</b>	<b>266,0</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	25,0	30,7	106,9	38,3	130,3
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>5,6</i>	<i>10,5</i>	<i>35,4</i>	<i>19,5</i>	<i>122,2</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	31,5	25,6	178,3	41,0	817,5
Vốn khác	4,0	2,5	8,0	16,4	126,2
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

## 5. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5 năm 2022

	<i>Tỷ đồng</i>				
	Thực hiện tháng 4 năm 2022	Ước tính tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	tháng 5 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.168,3</b>	<b>2.246,4</b>	<b>10.416,6</b>	<b>124,1</b>	<b>118,9</b>
Lương thực, thực phẩm	877,5	889,4	4.352,1	113,0	110,7
Hàng may mặc	80,4	83,5	389,4	114,0	94,2
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	142,2	143,9	700,9	120,1	118,2
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	11,5	11,6	60,4	115,9	111,8
Gỗ và vật liệu xây dựng	226,6	229,7	1.044,2	113,1	119,6
Ô tô các loại	3,4	3,5	13,2	135,7	83,3
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	106,3	109,9	523,0	117,2	103,3
Xăng, dầu các loại	492,2	535,1	2.235,2	170,6	165,1
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	46,1	49,0	214,7	133,6	129,6
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	44,3	45,3	195,6	113,0	97,9
Hàng hóa khác	112,9	120,3	582,1	109,8	105,6
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	25,0	25,4	105,8	122,9	99,8

**6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác  
tháng 5 năm 2022**

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	<i>Tỷ đồng</i>	
				tháng 5	Cộng dồn từ đầu
	tháng 4	tháng 5	từ đầu năm	năm 2022	năm đến cuối
	năm	năm	đến cuối	so với	kỳ báo cáo
	2022	2022	tháng 5	cùng kỳ	so với cùng kỳ
			năm 2022	năm trước (%)	năm trước (%)
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>304,1</b>	<b>323,9</b>	<b>1.462,4</b>	<b>128,0</b>	<b>109,8</b>
Dịch vụ lưu trú	27,2	31,5	115,3	166,8	127,1
Dịch vụ ăn uống	276,9	292,4	1.347,2	124,9	108,5
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>0,3</b>	<b>0,4</b>	<b>0,9</b>	<b>89,8</b>	<b>64,8</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>180,9</b>	<b>188,9</b>	<b>914,7</b>	<b>136,1</b>	<b>113,1</b>



## 7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5 năm 2022

	Tháng 5 năm 2022 so với:				%
	Kỳ gốc	Cùng kỳ trước	Tháng 12	Tháng	Chỉ số giá bình quân 5 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
			năm trước	trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>107,24</b>	<b>103,12</b>	<b>101,73</b>	<b>100,62</b>	<b>102,59</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	104,02	98,40	98,24	100,02	98,12
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	104,17	92,22	98,11	100,31	90,45
Thực phẩm	100,74	97,62	96,10	99,97	97,45
Ăn uống ngoài gia đình	110,66	102,50	102,59	100,00	102,70
Đồ uống và thuốc lá	110,46	105,81	103,54	102,87	105,02
May mặc, giày dép và mũ nón	110,15	109,01	105,86	101,05	106,91
Nhà ở và vật liệu xây dựng	114,45	108,62	105,14	100,83	108,84
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,18	102,77	101,82	100,27	102,24
Thuốc và dịch vụ y tế	102,54	100,88	100,52	99,96	100,61
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	101,93	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	115,90	116,91	111,13	103,01	114,36
Bưu chính viễn thông	101,40	101,43	99,17	100,00	101,59
Giáo dục	109,87	100,43	100,26	100,12	100,44
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	110,49	100,12	100,12	100,00	100,20
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,50	104,15	104,11	100,07	104,16
Hàng hóa và dịch vụ khác	109,04	102,79	102,96	100,09	101,82
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>142,27</b>	<b>105,02</b>	<b>105,69</b>	<b>99,01</b>	<b>102,19</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>102,01</b>	<b>100,81</b>	<b>100,51</b>	<b>101,54</b>	<b>99,55</b>

## 8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5 năm 2022

	Ước tính tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	tháng 5 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 5 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	<i>Tỷ đồng</i>
					Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>123,9</b>	<b>533,0</b>	<b>116,1</b>	<b>127,5</b>	<b>120,7</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>31,9</b>	<b>136,1</b>	<b>128,3</b>	<b>135,3</b>	<b>129,2</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	31,9	136,1	128,3	135,3	129,2
Hàng không	-	-			
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>87,5</b>	<b>372,8</b>	<b>113,1</b>	<b>121,3</b>	<b>117,2</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	87,5	372,8	113,1	121,3	117,2
Hàng không	-	-			
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>4,5</b>	<b>24,1</b>	<b>100,3</b>	<b>309,0</b>	<b>131,2</b>

## 9. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 5 năm 2022

	Ước tính tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	tháng 5 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 5 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu HK)</b>	<b>0,5</b>	<b>2,3</b>	<b>124,1</b>	<b>134,0</b>	<b>129,0</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	0,5	2,3	124,1	134,0	129,0
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)</b>	<b>34,0</b>	<b>170,1</b>	<b>122,1</b>	<b>125,8</b>	<b>126,9</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	34,0	170,1	122,1	125,8	126,9
Hàng không	-	-			
<b>B. HÀNG HOÁ</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu tấn)</b>	<b>0,7</b>	<b>3,2</b>	<b>109,1</b>	<b>120,5</b>	<b>115,3</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	0,7	3,2	109,1	120,5	115,3
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)</b>	<b>50,9</b>	<b>236,1</b>	<b>108,5</b>	<b>119,6</b>	<b>114,0</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	50,9	236,1	108,5	119,6	114,0
Hàng không	-	-			

## 10. Trật tự, an toàn xã hội tháng 5 năm 2022

	Sơ bộ tháng 5 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2022	tháng 5 năm báo cáo so với tháng trước (%)	tháng 5 năm b.cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>10</b>	<b>56</b>	<b>62,5</b>	<b>90,9</b>	<b>78,9</b>
Đường bộ	10	55	62,5	90,9	77,5
Đường sắt	-	1	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>28,6</b>	<b>66,7</b>	<b>70,0</b>
Đường bộ	2	21	28,6	66,7	70,0
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>9</b>	<b>53</b>	<b>60,0</b>	<b>112,5</b>	<b>77,9</b>
Đường bộ	9	52	60,0	112,5	76,5
Đường sắt	-	1	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	2	-	-	66,7
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	152,0	-	-	76,5